TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2022/DS-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nhâm Đức Hùng.
2. Ông Vũ Văn Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà*:** Ông Lâm Sển, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2021/TLST - DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST - DS ngày 25/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST - DS ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng C**

Trụ sở chính: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng giao dịch: Số 962 khu phố M, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Anh T, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C (*theo văn bản ủy quyền số 152/QD-NHC.. ngày 20/9/2019 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng*). (*Có mặt*)

* Bị đơn: Bà **Danh Thị B**, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Anh Tuấn trình bày và tại phiên tòa yêu cầu như sau*: Từ năm 2012 đến năm 2013, Ngân hàng C và bà Danh Thị B có ký kết vay vốn theo 02 Khế ước, cụ thể như sau:

- Ngày 19/12/2012, bà Danh Thị B có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C tại phòng giao dịch Châu Thành (*gọi tắt là Ngân hàng*) với số tiền vay là 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*) theo Khế ước số 6000005800041800, chương trình vay cho học sinh, sinh viên, giải ngân theo từng năm học (*cụ thể vay cho sinh viên Trần Thị Thúy L, sinh ngày 13/5/1993 - số CMND 371506058*). Lãi suất tiền vay là 0,65%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 19/12/2012 đến ngày 19/10/2017. Phương thức vay vốn là thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Khi vay, thỏa thuận giữa Ngân hàng C và bà B là hộ vay phải trả lãi hàng tháng và gửi tiết kiệm qua Tổ tiết kiệm và vay vốn cho đến ngày 19/10/2017 là phải trả hết nợ gốc.

Sau khi vay, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cứ trì hoãn nên nguồn vốn đến nay Ngân hàng chưa thu hồi được. Tính đến ngày 31/5/2022, tổng số tiền gốc và lãi bà B còn nợ theo Khế ước số 6000005800041800 là 34.673.548 đồng (*Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 21.000.000 đồng và tiền lãi (*trong hạn và quá hạn*) là 13.673.548 đồng.

- Ngày 26/4/2013, bà Danh Thị B tiếp tục ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C tại phòng giao dịch Châu Thành với số tiền vay là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) theo Khế ước số 6000005800041799, chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, giải ngân 01 lần. Lãi suất tiền vay là 0,9%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 26/4/2013 đến ngày 19/4/2017. Phương thức vay vốn là thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Khi vay, thỏa thuận giữa Ngân hàng C và bà B là hộ vay phải trả lãi hàng tháng và gửi tiết kiệm qua Tổ tiết kiệm và vay vốn cho đến ngày 19/4/2017 là phải trả hết nợ gốc.

Sau khi vay, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cứ trì hoãn nên nguồn vốn đến nay Ngân hàng chưa thu hồi được. Tính đến ngày 31/5/2022, tổng số tiền gốc và lãi bà B còn nợ theo Khế ước số 6000005800041799 là 6.615.208 đồng (*Sáu triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, hai trăm lẻ tám đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 3.500.000 đồng và tiền lãi (*trong hạn và quá hạn*) là 3.115.208 đồng.

Tại phiên tòa, ông T (*Đại điện Ngân hàng*) yêu cầu bà Danh Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vay gốc và lãi của 02 Khế ước tạm tính đến ngày 31/5/2022 với tổng số tiên là 41.288.756 đồng (*Bốn mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 24.500.000 đồng và tiền lãi (*trong hạn và quá hạn*) là 16.788.756 đồng. Đồng thời, bà B phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ của 02 Khế ước cho Ngân hàng C.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Danh Thị B vắng mặt, không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng

trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc bà Danh Thị B phải trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng C và phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*Ngân hàng C*) về việc buộc bị đơn (*bà Danh Thị B có cư trú tại ấp V, xã Vĩnh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang*) thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà B không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. HĐXX xét thấy, việc vắng mặt của bà B không vì sự kiện bất khả kháng hay do điều kiện khác quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt mà B.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ ngày 19/12/2012 cho đến ngày 26/4/2013, giữa Ngân hàng C và bà Danh Thị B có ký kết hợp đồng vay theo 02 Khế ước số 6000005800041800 ngày 19/12/2012 và Khế ước số 6000005800041799 ngày 26/4/2013 với tổng số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng. Phương thức vay vốn là thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn. Lãi suất vay, thời hạn vay và cách thức trả hàng tháng được thể hiện trong Khế ước.

Sau khi ký kết, bà Danh Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận và cố tình trì hoãn nên nguồn vốn của Ngân hàng đến nay chưa được thu hồi.

Do đó, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Danh Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vay gốc và lãi của 02 Khế ước tạm tính đến ngày 31/5/2022 với tổng số tiền là 41.288.756 đồng (*Bốn mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 24.500.000 đồng và tiền lãi (*trong hạn và quá hạn*) là 16.788.756 đồng. Đồng thời, bà B phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ của 02 Khế ước cho Ngân hàng C.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ cho thấy, giữa Ngân hàng C và bà Dnah Thị B có ký kết 02 Khế ước vay vốn tại phòng giao dịch huyện Châu Thành và tính đến ngày 31/5/2022 bà B còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền gốc và lãi là 41.288.756 đồng (*Bốn mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 24.500.000 đồng và tiền lãi (*trong hạn và quá hạn*) là 16.788.756 đồng là có thật.

2.2 Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các Thông báo đến bà Danh Thị B được biết nhưng đến nay bà B không gửi ý kiến của bà đối với yêu cầu của Ngân hàng C và tại phiên tòa bà B vắng mặt không có lời trình bày nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà B.

Do đó, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của Ngân hàng C. Buộc bà Danh Thị B trả cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/5/2022 sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà B tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo 02 Khế ước đã ký kết từ ngày 01/6/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng C.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Bà Danh Thị B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng C (41.288.756 đồng x 5%) là 2.064.438 đồng.

- Do yêu cầu của Ngân hàng C thuộc đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Danh Thị B trả cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/5/2022 của 02 Khế ước tổng cộng là 41.288.756 đồng (*Bốn mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà B tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo 02 Khế ước đã ký kết từ ngày 01/6/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng C. Trong đó:

+ Số tiền nợ theo Khế ước số 6000005800041800 là 34.673.548 đồng (*số tiền vay gốc là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 13.673.548 đồng*).

+ Số tiền nợ theo Khế ước số 6000005800041799 là 6.615.208 đồng (*số tiền vay gốc là 3.500.000 đồng và tiền lãi là 3.115.208 đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng C có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà B còn nợ thì bà B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Khế ước cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Buộc bà Danh Thị B phải chịu án phí là 2.064.438 đồng (*Hai triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*).

3. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 31/5/2022*).

Bà Danh Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS H. Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình